

Bản án số: 04/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 12/01/2022

V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thu T

Các Hội thẩm nhân dân: bà Bùi Thị H, ông Trần Xuân Th

- Thư ký phiên tòa: ông Lương Văn H – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Phương N – Kiểm sát viên

Ngày 12/01/2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 171/2021/TLST-HNGĐ ngày 04/11/2021 về việc “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/12/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị M – sinh năm 1987; địa chỉ trước khi xuất Cảnh: xóm 9 (nay là Làng Phan), xã Hưng Tân, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An; địa chỉ hiện nay: Công ty TNHH CP điện quang Tân Thế Kỷ, số 385, đường Vĩnh Khoa Hoàn, khu Vĩnh Khang, thành phố Đài Nam, Đài Loan. Vắng mặt và có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Hồ Văn T, sinh năm 1985; địa chỉ trước khi xuất cảnh: xóm 9 (nay là Làng Phan), xã Hưng Tân, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An; địa chỉ hiện nay: Công ty TNHH CP Thực nghiệp Thống nhất, số 77, đường Hòa Bình, khu Vĩnh Khang, thành phố Đài Nam, Đài Loan. Vắng mặt và có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Hồ Văn B, sinh năm 1953 và bà Lê Thị H; địa chỉ: xóm 9 (nay là Làng Phan), xã Hưng Tân, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt và có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Tài Ch, sinh năm 1956 và bà Nguyễn Thị Tr, sinh năm 1963; địa chỉ: xóm 3, xã Thanh Lâm, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt và có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/10/2021, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị M trình bày: Chị Nguyễn Thị M và anh Hồ Văn T quen biết và yêu nhau từ năm 2009. Cuối năm 2010, anh chị kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hưng Tân, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An vào ngày 06/9/2010. Sau khi kết hôn, vợ chồng về Hưng Tân sống cùng với bố mẹ chồng một thời gian thì bố mẹ chồng cho ở riêng tại căn nhà bếp. Do khi chị M và anh T kết hôn với nhau bên gia đình chồng không đồng ý nên mối quan hệ tình cảm giữa mẹ chồng nàng dâu ngày càng căng thẳng. Chị M lại không nhận được sự cảm thông từ anh T. Năm 2015, khi chị M đang mang bầu cháu thứ hai thì anh T đi sang Đài Loan lao động. Chị M ở nhà trong cảnh con thơ lại bầu bí, trong khi đó gia đình nhà chồng không chia sẻ nên chị M ngày càng ức chế. Sau khi sinh bé thứ hai được một thời gian thì chị M gửi con cho bố mẹ ruột ở Thanh Lâm, Thanh Chương để đi học Tg. Đến năm 2017, chị M đi sang Đài Loan với mong muốn có kinh tế gia đình và có thể gần chồng để hàn gắn mối quan hệ. Tuy nhiên, sang đến Đài Loan, mặc dù vợ chồng chỉ sống cách nhau khoảng 2km nhưng hai người ở hai nơi trong ký túc của công ty chứ không sống chung với nhau nên tình cảm chẳng thay đổi được gì mà còn lạnh nhạt hơn. Thời gian gần đây, anh T chặn hết mọi liên lạc với chị M. Nay, chị M thấy tình trạng hôn nhân của vợ chồng ngày càng trầm trọng, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị Nguyễn Thị M được ly hôn với anh Hồ Văn T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Hồ Khánh Duy, sinh ngày 06/9/2011 và cháu Hồ Thiện Nhân, sinh ngày 14/9/2015. Hiện nay, cháu Hồ Khánh Duy đang sống cùng ông bà nội là ông Hồ Văn B và bà Lê Thị H tại xóm 9 (nay là Làng Phan), xã Hưng Tân, huyện Hưng Nguyên. Còn cháu Hồ Thiện Nhân đang sống với ông bà ngoại là ông Nguyễn Tài Ch và bà Nguyễn Thị Tr tại xóm 3, xã Thanh Lâm, huyện Thanh Chương. Tại đơn khởi kiện và lời khai ngày 05/10/2021, chị M đề nghị được nuôi cả hai cháu và không yêu cầu anh Hồ Văn T cấp dưỡng. Ngày 04/01/2022, chị M làm đơn đề nghị giao cháu Hồ Khánh Duy cho anh T nuôi dưỡng, giao cháu Hồ Thiện Nhân cho chị M nuôi dưỡng do cháu Duy đang sống rất tốt với ông bà nội. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Vì hiện nay chị đang ở nước ngoài nên chị nhờ bố mẹ chị là ông Tài, bà Ch thay mặt chị chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nhân cho đến khi chị M về nước.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 29/11/2021, bị đơn anh Hồ Văn T trình bày: Anh Hồ Văn T thừa nhận về thời gian, điều kiện, địa điểm đăng ký kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng như chị M trình bày. Sau khi kết hôn, mặc dù anh chị ở riêng nhưng cùng trong một nhà nên mâu thuẫn mẹ chồng nàng dâu không tránh khỏi, anh T ở giữa rất khó xử nên vợ chồng có những mâu thuẫn nhất định. Năm 2015, anh T đi sang Đài Loan, sau khi sinh con thứ hai, chị M cũng đi sang Đài Loan. Sang Đài Loan, vợ chồng không sống chung với nhau nên tình cảm chẳng thay đổi được gì mà còn lạnh nhạt hơn, thậm chí không liên lạc với nhau, mỗi người có cuộc sống riêng của mình, không còn quan tâm đến nhau. Nay, chị M muốn ly hôn thì anh T đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung như chị Nguyễn Thị M trình bày. Vì hai cháu đã ở ổn định với ông bà hai bên từ trước đến nay, nên khi giải quyết cho vợ chồng ly hôn, anh Hồ Văn T có nguyện vọng được nuôi cháu Hồ Khánh Duy, còn cháu Hồ Thiện Nhân đang sống ổn định với ông bà ngoại nên đề nghị giao cháu Nhân cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng. Hiện tại anh Hồ Văn T đang ở nước ngoài nên anh nhờ bố mẹ anh là ông Hồ Văn B và bà Lê Thị H chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Duy cho đến khi anh về nước. Anh Hồ Văn T không yêu cầu chị Nguyễn Thị M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh Hồ Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Tài Ch và bà Nguyễn Thị Tr trình bày: Ông Ch, bà Tr là bố mẹ đẻ của chị Nguyễn Thị M. Năm 2015, anh T đi sang Đài Loan lao động. Sau khi chị M sinh con thứ hai được khoảng hơn một tuổi thì chị M gửi con là Hồ Thị Nhân cho ông bà chăm sóc và đi sang Đài Loan với chồng. Mâu thuẫn giữa chị Nguyễn Thị M và anh Hồ Văn T như thế nào thì ông bà không biết. Ông bà chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Hồ Thiện Nhân từ khi chị M đi nước ngoài cho đến nay. Chi phí nuôi cháu thì do chị Nguyễn Thị M cung cấp. Nay nếu chị M và anh T ly hôn, ông bà đồng ý được tiếp tục nuôi cháu Hồ Thiện Nhân cho đến khi chị M về nước. Về chi phí nuôi cháu thì ông bà không yêu cầu.

- Ông Hồ Văn B và bà Lê Thị H trình bày: Ông B và bà H là bố mẹ đẻ của anh Hồ Văn T. Anh T và chị M có hai người con chung là cháu Hồ Khánh Duy và cháu Hồ Thiện Nhân. Cháu Duy sống cùng với ông bà từ khi cháu mới sinh ra cho đến nay, còn cháu Nhân thì sống với ông bà đến năm 2017 thì chị M đưa cháu về ở với ông bà ngoại tại Thanh Chương. Các chi phí phát sinh từ việc nuôi cháu đều do anh T, chị M cung cấp. Nếu chị M và anh T ly hôn, ông bà không có yêu cầu gì về việc thanh toán tiền nuôi cháu. Ông bà có nguyện vọng được nuôi cả hai cháu cho đến khi anh T về nước.

Cháu Hồ Khánh Duy trình bày: cháu là con của bố Hồ Văn T và mẹ Nguyễn Thị M. Hiện nay bố mẹ cháu đang ở nước ngoài, cháu đang ở với ông bà nội là ông Hồ Văn B và bà Lê Thị H. Nếu bố mẹ ly hôn, cháu có nguyện vọng được ở với ông bà nội và bố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Quá trình giải quyết vụ án chị M, anh T, ông B, bà H, ông Ch, bà Tr đều đã cung cấp lời khai đầy đủ và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt họ, nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung là có cơ sở.

- Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cho chị Nguyễn Thị M và anh Hồ Văn T được ly hôn. Về con chung: giao cháu Hồ Khánh Duy cho anh Hồ Văn T chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu Hồ Thiện Nhân cho chị Nguyễn Thị M chăm sóc, nuôi dưỡng; trong thời gian anh T, chị M ở nước ngoài chưa về nước thì giao cho ông B, bà H quản lý chăm sóc cháu Duy, giao cho ông Ch, bà Tr quản lý, chăm sóc cháu Nhân. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T, chị M không yêu cầu, nên miễn xét. Ông B, bà H; ông Ch bà Tr là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung của chị M, anh T từ khi chị M, anh T đi nước ngoài, nhưng các ông bà không yêu cầu thanh toán chi phí nuôi cháu nên miễn xét. Về tài sản chung, nợ chung: Chị M, anh T không yêu cầu nên miễn xét. Chị Nguyễn Thị M phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Về quyền kháng cáo: Được thực hiện theo quy định tại Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: nguyên đơn chị Nguyễn Thị M và bị đơn anh Hồ Văn T hiện đang ở nước ngoài, vì lý do công việc và tình hình dịch bệnh Covid - 19 diễn biến phức tạp nên chị M và anh T đều làm đơn xin xét xử vắng mặt. Văn bản của anh chị M và anh T gửi về cho Tòa án đều được Văn phòng Kinh tế - Văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc, Đài Loan xác nhận. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tài Ch, bà Nguyễn Thị Tr, ông Hồ Văn B, bà Lê Thị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị M và anh Hồ Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với bố mẹ anh T, quá trình chung sống thì phát sinh mâu thuẫn giữa mẹ chồng nàng dâu và dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng. Năm 2015, anh T đi xuất khẩu lao động sang Đài Loan; một thời gian sau thì chị M cũng sang Đài Loan, vợ chồng làm việc tại 2 Công ty cách nhau khoảng 2km, nhưng không sống chung nên tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, mỗi người có cuộc sống riêng, không còn quan tâm gì đến nhau. Nay chị M thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên xin được ly hôn; anh T đồng ý ly hôn. Xét thấy, tình trạng hôn nhân của chị M và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình giải quyết cho chị Nguyễn Thị M được ly hôn với anh Hồ Văn T.

[3] Về con chung:

[3.1] Chị Nguyễn Thị M và anh Hồ Văn T có 02 con chung là cháu Hồ Khánh Duy, sinh ngày 06/9/2011 và cháu Hồ Thiện Nhân, sinh ngày 14/9/2015. Từ khi anh T, chị M đi xuất khẩu lao động đến nay, cháu Duy do ông Hồ Văn B, bà Lê Thị H (bố mẹ anh T) trực tiếp chăm sóc; cháu Nhân do ông Nguyễn Tài Ch, bà Nguyễn Thị Tr (bố mẹ chị M) trực tiếp chăm sóc. Chị M và anh T hiện nay đều đang ở nước ngoài không có điều kiện để trực tiếp nuôi con. Do vậy, chị M và anh T đều đề nghị giao cháu Duy cho anh T nuôi dưỡng để cháu tiếp tục được ông bà nội chăm sóc, giao cháu Nhân cho chị M nuôi dưỡng để cháu tiếp tục được ông bà ngoại chăm sóc và đảm bảo cuộc sống của các cháu không bị đảo lộn. Cháu Duy ở với ông B, bà H, cháu Nhân ở với ông Ch bà Tr được ông bà chăm sóc chu đáo, cho học hành đầy đủ, đảm bảo sự phát triển về mọi mặt.

[3.2] Ông B bà H cũng tự nguyện nhận trách nhiệm chăm sóc, quản lý cháu Duy trong thời gian anh T ở nước ngoài, cháu Duy cũng có nguyện vọng được ở với bố và ông bà nội; ông Ch bà Tr cũng tự nguyện nhận trách nhiệm chăm sóc, quản lý cháu Nhân trong thời gian chị M ở nước ngoài. Do đó, để đảm bảo ổn định cuộc sống, sinh hoạt và quyền lợi tốt nhất về mọi mặt cho các cháu cần giao cháu Duy cho anh T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Nhân cho chị M trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Đồng thời ghi nhận sự tự nguyện của ông Hồ Văn B, bà Lê Thị H nhận trách nhiệm quản lý, chăm sóc cháu Hồ Khánh Duy trong thời gian anh T ở nước ngoài và của ông Nguyễn Tài Ch, bà Nguyễn Thị Tr nhận trách nhiệm quản lý, chăm sóc cháu Hồ Thiện Nhân trong thời gian chị M ở nước ngoài như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị M và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Chị M, anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung

không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị M, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Dành quyền khởi kiện cho các đương sự khi có yêu cầu.

[5] Đối với ông Ch, bà Tr; ông B, bà H là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung của chị M, anh T từ khi chị M, anh T đi nước ngoài và nhận trách nhiệm quản lý, chăm sóc các cháu cho đến khi chị M, anh T về nước, nhưng các ông bà không yêu cầu thanh toán chi phí chăm sóc các cháu nên miễn xét.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1, 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: cho chị Nguyễn Thị M và anh Hồ Văn T được ly hôn.

2. Về con chung:

2.1. Giao cháu Hồ Khánh Duy, sinh ngày 06/9/2011 cho anh Hồ Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Duy đủ 18 tuổi, trưởng thành; giao cháu Hồ Thiện Nhân, sinh ngày 14/9/2015 cho chị Nguyễn Thị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Nhân đủ 18 tuổi, trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị M và anh Hồ Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Chị Nguyễn Thị M, anh Hồ Văn T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

2.2. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Hồ Văn B, bà Lê Thị H nhận trách nhiệm quản lý, chăm sóc cháu Hồ Khánh Duy trong thời gian anh T ở nước ngoài cho đến khi anh T về nước; của ông Nguyễn Tài Ch, bà Nguyễn Thị Tr nhận trách nhiệm quản lý, chăm sóc cháu Hồ Thiện Nhân trong thời gian chị M ở nước ngoài cho đến khi chị M về nước.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Dành quyền khởi kiện cho các đương sự khi có yêu cầu.

4. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi

hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp tại Cục thi hành án Dân sự tỉnh Nghệ An theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011526 ngày 28/10/2021 (bà Lê Thị Kim Soa nộp thay). Chị Nguyễn Thị M đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

6. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị M và bị đơn anh Hồ Văn T đang cư trú ở nước ngoài vắng mặt có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hồ Văn B, bà Lê Thị H, ông Nguyễn Tài Ch, bà Nguyễn Thị Tr vắng mặt có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND xã H, huyện H;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu T

